

# TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ GỢI Ý CHO TỈNH PHÚ THỌ

Tăng Văn Khiên<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Ngày nhận bài: 10/5/2020; Ngày chỉnh sửa: 02/6/2020; Ngày duyệt đăng: 05/6/2020

## Tóm tắt

Thực tế cho đến nay, việc phân tích tăng trưởng kinh tế với mục đích để tìm ra giải pháp cơ bản nhằm bắt tốc nền kinh tế nhanh, có chất lượng. Nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng vào loại nhanh so với các nước trong khu vực Đông Nam Á nhưng năng suất lao động, GDP/người vẫn đang ở mức thấp (đứng trong nhóm có mức thu nhập trung bình thấp). Nhà nước đã đưa ra nhiều giải pháp, do đó nền kinh tế có tốc độ tăng nhanh nhưng luôn chịu nhiều rủi ro, chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài và phát triển thiếu bền vững. Nguyên nhân gì khiến có tình trạng như vậy? Bài báo mong muốn thông qua phân tích tăng trưởng kinh tế với cách tiếp cận thiết thực, tìm ra những việc phải làm để bắt tốc phát triển kinh tế một cách có hiệu quả hơn, bền vững hơn.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, yếu tố, phân tích, mối quan hệ, giải pháp.

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Việt Nam đang là quốc gia có tốc độ tăng trưởng vào loại nhanh trong khu vực ASEAN và trên thế giới nhưng nếu tính theo giá sức mua tương đương, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7,3% năng suất lao động của Singapore, 19% của Malaysia, 37% của Thái Lan, 44,8% của Indonesia và bằng 55,9% của Philippines [1]. GDP/người cũng kém xa so với các nước này. Nói cách khác, tuy tốc độ tăng trưởng vào loại cao nhưng chất lượng tăng trưởng chưa cao, thậm chí còn có thể nói là thấp. Nhìn chung, nước ta chưa tạo ra tiền đề để có tăng trưởng tiềm năng. Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 339/2013/QĐ-TTg về

phê duyệt đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh [2]. Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai lập đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của địa phương. Tháng 8 năm 2019, Chính phủ lại tổ chức Hội nghị quốc tế bàn về cải thiện năng suất lao động quốc gia. Song nhìn chung vẫn chưa tìm ra điểm huyệt để gia tốc nền kinh tế với tốc độ nhanh, có chất lượng và bền vững. Trước tình hình như vậy, tác giả muốn làm rõ thêm một số vấn đề về tăng trưởng kinh tế và xác định rõ hơn những việc phải làm để nền

kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, có chất lượng trong những năm tới.

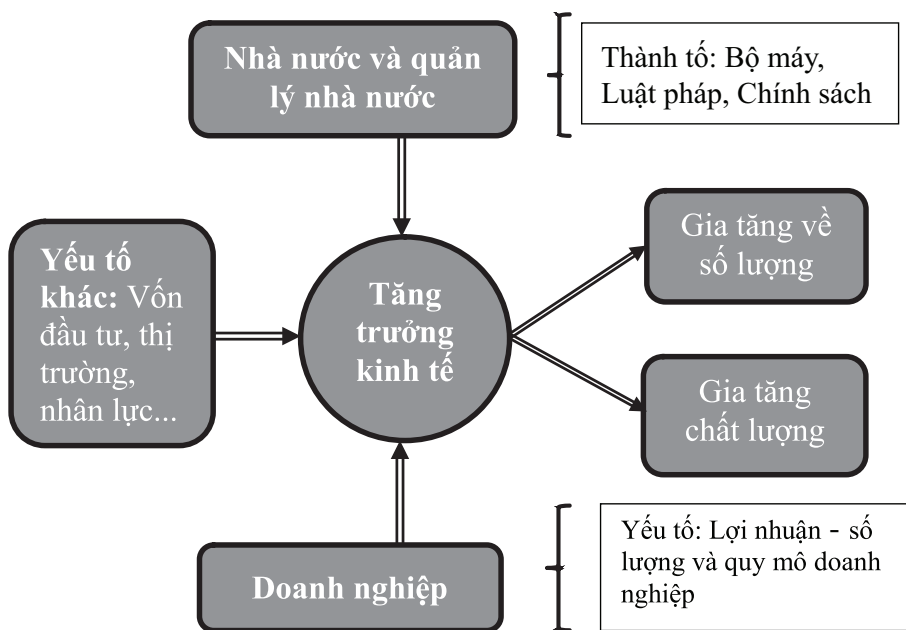
## 2. Logic tư duy, cách tiếp cận và phương pháp phân tích tăng trưởng kinh tế

### 2.1. Logic tư duy về quan hệ tương tác giữa tăng trưởng kinh tế và các yếu tố mang tính điều kiện

Trước khi trình bày khung nghiên cứu và để đảm bảo tính hệ thống của bài viết, tác giả sẽ đề cập đến vấn đề nhận thức, quan niệm về tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Tăng trưởng kinh tế là phần gia tăng quy mô kinh tế của quốc gia tính cho một năm (GDP năm sau trừ đi GDP năm trước) hay cho một thời kỳ/giai đoạn (GDP năm cuối kỳ trừ đi GDP năm gốc). Tăng trưởng kinh tế đo lường bằng số tuyệt đối hoặc bằng số tương đối (%). Nó quyết định mức thu nhập bình quân đầu người và mức sống người

dân của một nước. Thực tế cho thấy nền kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng đều (trừ thời gian khủng hoảng kinh tế toàn cầu) nên mức sống người dân được cải thiện rõ. Nền kinh tế có thể có tăng trưởng dương và cũng có thể không tăng hoặc tăng trưởng âm (khi nền kinh tế rơi vào trạng thái suy thoái hoặc đình trệ). Nền kinh tế tăng trưởng dương ở trạng thái ổn định trong thời gian dài mới là tăng trưởng bền vững. Khi đó mới tốt, còn nếu tăng trưởng kinh tế rồi sụt giảm thì không tốt, không bền vững. Năm 2010, Liên minh châu Âu (EU) đã đề ra chiến lược tăng trưởng thông minh cho giai đoạn 2010-2020. Còn Việt Nam năm 2013 đã đề ra chủ trương tái cơ cấu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Logic tư duy “Tăng trưởng kinh tế Việt Nam và những vấn đề gợi ý cho tỉnh Phú Thọ” được sơ đồ hóa như hình 1.



Hình 1. Sơ đồ quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với các yếu tố mang tính điều kiện

### 2.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế

Nhìn vào hình 1 cho phép nhận biết rõ ràng các yếu tố ảnh hưởng mang tính quyết định đến tăng trưởng kinh tế, đó là:

- Nhà nước (cả ba bộ phận cấu thành: Quốc hội (xây dựng khung khổ luật pháp), Chính phủ (cơ quan hành pháp: Quản lý và điều hành kinh tế) và Cơ quan tư pháp (Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao: Kiểm soát thực thi luật pháp). Nếu bộ máy yếu, năng lực quản trị yếu và khung luật pháp kinh tế yếu thì không thể có tăng trưởng kinh tế nhanh và có chất lượng. Tác giả bài viết tán đồng với quan điểm của Daron Acemoglu và James Robinson [3] cho rằng thể chế quyết định sự thành công hay thất bại đối với nền kinh tế quốc gia. Nhà nước là người sinh ra thể chế và tổ chức thực hiện thể chế, nên suy cho cùng Nhà nước quyết định sự thành bại của nền kinh tế.

Nhà nước thực hiện những nội dung quản lý kinh tế như: Ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối phát triển kinh tế; Ban hành và tổ chức thực hiện luật pháp và chính sách kinh tế; Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chủ trương, đường lối và luật pháp, chính sách kinh tế; Tổ chức đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế. Kiểm điểm xem khâu nào đang còn yếu ở Việt Nam.

- Doanh nghiệp: Đơn vị kinh tế có nhiệm vụ tạo ra giá trị kinh tế (để gia tăng quy mô kinh tế), tạo ra việc làm, đóng góp ngân sách và tham gia các cuộc chơi lớn về kinh tế trên thế giới. Vì thế phải có nhiều doanh nghiệp, phải có doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao,

làm ăn có lãi. Doanh nghiệp xuất hiện khi có lợi nhuận. Doanh nghiệp ra đời vì họ hy vọng thu được lợi nhuận (tức là đã có thị trường). Khi đó họ sẽ tìm ra vốn, tìm ra công nghệ hiện đại và thuê được nhân lực đáp ứng được yêu cầu.

Bên cạnh hai nhóm yếu tố nổi bật nêu trên còn phải kể đến các yếu tố thị trường, vốn, lao động, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế và biến đổi khí hậu. Khi Nhà nước có năng lực quản lý và điều hành kinh tế tốt và đội ngũ doanh nghiệp giỏi thì đất nước sẽ tìm ra vốn, công nghệ tiên tiến, nhân lực, thị trường... để phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

### 2.1.2. Mục đích, yêu cầu và nội dung phân tích, đánh giá tăng trưởng kinh tế

Mục đích của phân tích, đánh giá tăng trưởng kinh tế là tìm ra mức độ, động thái, chất lượng tăng trưởng kinh tế để từ đó xác định đúng các giải pháp nhằm làm cho tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững một cách hợp lý. Việc phân tích, đánh giá tăng trưởng kinh tế cần bám sát hai yêu cầu và nội dung chủ yếu:

- Đánh giá phần gia tăng số lượng (đo lường phần tăng thêm quy mô kinh tế: Đo bằng số tuyệt đối hoặc đo bằng số tương đối). Nếu gia tăng GDP càng lớn, tốc độ tăng GDP càng cao thì nền kinh tế phát triển càng tốt và ngược lại.

- Đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế (đo lường bằng năng suất lao động, GDP/người, nợ công, thâm hụt hay bội chi ngân sách, tỷ giá, chỉ số giá tiêu dùng, dự trữ quốc gia... Nếu các chỉ tiêu này càng lớn, tăng ổn

định thì chất lượng tăng trưởng kinh tế càng tốt và ngược lại.

Các chỉ tiêu số lượng và các chỉ tiêu chất lượng đạt ở mức càng cao thì sự phát triển kinh tế càng tốt và ngược lại. Việc đánh giá về số lượng và về chất lượng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Theo nguyên lý lượng đổi thì chất đổi nhưng nếu chỉ thay đổi lượng mà không chú ý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng thì cũng không có tăng trưởng kinh tế có chất lượng. Phát triển kinh tế có chất lượng sẽ đảm bảo tăng trưởng nhanh. Khi tăng trưởng quá nhanh nó sẽ triệt tiêu chất lượng. Đó là nguyên tắc xuyên suốt đối với phân tích tăng trưởng kinh tế.

## 2.2. Khái quát cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

a. Tiếp cận hệ thống, đặt tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ mật thiết với Nhà nước - quản lý nhà nước (hàm ý nói đến bộ máy và luật pháp, chính sách) và với doanh nghiệp (khi trình bày về doanh nghiệp đã hàm ý đề cập tới thị trường, vốn, nhân lực, kết cấu hạ tầng, quản trị doanh nghiệp).

b. Phương pháp phân tích tăng trưởng kinh tế: Tác giả sử dụng phương pháp phân tích chỉ số.

- Tính phần gia tăng GDP cho từng năm:  $\Delta GDP = GDP_i - GDP_{i-1}$  (trong đó GDP: Tổng sản phẩm nội địa năm  $i$  và năm gốc).

\* Tính bình quân các năm:

$$\text{Thời gian} = \bar{\Delta GDP} = (GDP_i - GDP_0) : n$$

- Tính tốc độ tăng trưởng GDP (Tg).

\* Tính cho từng năm:

$$T_g = \left( \frac{GDP_i}{GDP_{i-1}} - 1 \right)$$

\* Tính bình quân cho các năm:

$$\bar{T}_g = \left( \sqrt[n]{\frac{GDP_i}{GDP_0}} - 1 \right)$$

Cũng sử dụng các biểu thức này tính tốc độ tăng vốn đầu tư.

- Tính năng suất lao động (NL):

$$NL = GDP : L$$

(L: Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân, còn GDP như đã chú giải ở trên).

- Tính các chỉ số: Tỷ trọng vốn đầu tư xã hội trên GDP:  $s = (V : GDP) \times 100$  (Trong đó V: Tổng vốn đầu tư xã hội đã thực hiện và GDP như đã chú giải ở trên). Hoặc tính chỉ số ICOR = s: Tg.

Trong quá trình phân tích sẽ phải kết hợp các chỉ số để tìm ra bản chất của tăng trưởng kinh tế và từ đó xác định giải pháp nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách có chất lượng, bền vững.

## 3. Thực trạng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

### 3.1. Phân tích động thái tăng trưởng kinh tế

#### 3.1.1. Tốc độ tăng trưởng qua các năm

Trong giai đoạn 2011-2018, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 6,2%/năm. So với các nước ASEAN thì đó là mức cao và cũng là thành tựu quan trọng.

**Bảng 1. Tốc độ tăng GDP tính theo đô la Mỹ**

Nước	2010	2014	2015	2016	2017
Việt Nam	6,4	5,98	6,68	6,21	6,81
Singapore	15,2	3,9	2,2	2,4	3,6
Thái Lan	7,5	1,0	3,0	3,3	3,9
Indonesia	6,2	5,0	4,9	5,0	5,1
Malaysia	7,4	6,0	5,1	4,2	5,9
Philippines	7,6	6,1	6,1	6,9	6,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2018.

### 3.1.2. Động thái tăng trưởng kinh tế

Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2014, do hậu quả của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nên tốc độ tăng trưởng chỉ đạt khoảng 5,2-6,0%/năm. Sang các năm 2015 đến 2018 tốc độ tăng trưởng GDP đã tăng lên và đạt khoảng 6,67%/năm. Năm 2018 đạt mức cao nhất (khoảng 7,08%). Đó cũng là xu hướng có thể hiểu được.

## 3.2. Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với các yếu tố mang tính điều kiện

### 3.2.1. Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và quản lý, điều hành kinh tế của Nhà nước

Nhà nước từng bước củng cố bộ máy của Chính phủ, ban hành rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật về phát triển bền vững nói chung và về phát triển kinh tế nói riêng. Năng lực cạnh tranh toàn cầu có tăng qua các năm, nhất là vài năm gần đây [4]. Ý chí chính trị và quyết tâm chính trị tương đối cao. Chính phủ cố gắng tạo ra môi trường sản xuất kinh doanh, môi trường đầu tư thuận lợi cho đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Ở Việt Nam, đứng về phương diện quản lý nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước theo lãnh thổ. Giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính

phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành có 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ. Giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quản lý nhà nước theo lãnh thổ ở Việt Nam có chính quyền của 63 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, chính quyền của 664 đơn vị hành chính cấp huyện, 8.959 cấp xã [2]. Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với đổi mới và hiệu quả quản lý nhà nước. Trong thời gian vừa qua, dù Nhà nước đã rất cố gắng nhưng vẫn bộc lộ nhiều bất cập. Khi thì hiện tượng buông lỏng, khi thì hiện tượng chông chéo, nơi này nơi kia lợi ích nhóm và tham nhũng làm mất lòng tin của doanh nghiệp và của người dân và gây khó cho phát triển của doanh nghiệp và của người dân.

### 3.2.2. Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động

Năng suất lao động (NSLĐ) là một trong các yếu tố quyết định đối với tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng kinh tế tác động lớn đến NSLĐ. Ở Việt Nam, tỷ lệ đóng góp của NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế có xu hướng tăng dần nhưng chậm và mức đóng góp của NSLĐ vào tăng trưởng đang ở mức khiêm tốn (Bảng 2). Việt Nam còn dư địa để nâng cao NSLĐ quốc gia.

**Bảng 2. Đóng góp của NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**

Năm	Tốc độ tăng GDP* (%)	Tốc độ tăng số lao động làm việc (%)	Đóng góp NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế (%)	Chênh lệch mức đóng góp hàng năm (%)
2010	6,40	2,17	66,1	+1,3
2011	6,24	1,99	67,2	+1,2
2012	5,25	1,85	64,8	- 2,4
2013	5,42	1,71	68,5	+3,5
2014	5,98	0,95	64,2	- 4,3
2015	6,68	0,44	93,4	+29,2
2016	6,21	0,85	86,3	-7,1
2017	6,81	0,70	89,7	+3,4
2018	7,08	0,97	86,3	-3,4
Trung bình giai đoạn 2010-2018	6,27	1,22	80,5	+1,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê 2010 và 2018.

Ghi chú: Đóng góp NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế =  $[1 - (Tl: TGDP)] \times 100$  (%); Tl: Tốc độ tăng số lao động; TGDP: Tốc độ tăng GDP; \* Tính theo giá 2010.

- Giai đoạn 2008-2014: Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, lao động thất nghiệp gia tăng.

- Giai đoạn 2015-2018: Việt Nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế, lao động có việc làm tăng lên và cả tốc độ tăng GDP và tốc độ việc làm mới cũng tăng. Đóng góp của NSLĐ phục hồi mức cao đã đạt được trước đó.

- Đối với các quốc gia phát triển, đóng góp của NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế vượt

mức 85% thì nền kinh tế của họ bước vào giai đoạn phát triển theo hướng hiện đại hóa (tức là tăng NSLĐ đã có sự đóng góp của hiện đại hóa).

Tuy tốc độ tăng NSLĐ là vậy, nhưng xét về mức độ đạt được thì NSLĐ của Việt Nam còn khá thấp. Tính theo giá thực tế NSLĐ của Việt Nam năm 2018 ước tính đạt 102,16 triệu đồng/người.

### 3.2.3. Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và đầu tư

**Bảng 3. Tăng trưởng kinh tế, đầu tư, ICOR và doanh nghiệp của Việt Nam**

Năm	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)	Tốc độ tăng vốn đầu tư xã hội (%)	Tỷ lệ đầu tư xã hội trên GDP (%)	ICOR
2010	6,40	7,2	38,5	6,01
2011	6,24	-7,3	33,6	5,39
2012	5,25	5,5	33,7	6,42
2013	5,42	7,3	34,3	6,33
2014	5,98	9,7	35,5	5,94
2015	6,68	9,12	36,3	5,43
2016	6,21	9,8	37,6	6,05
2017	6,81	10,9	38,9	5,71
2018	7,08	8,44	39,5	5,58

Nguồn: Niên giám Thống kê 2015 và 2018.



Trong thời gian vừa qua, đầu tư phát triển ở Việt Nam tăng giảm không ổn định. Tỷ lệ đầu tư xã hội trên GDP đạt khoảng 38-39%. Tỷ lệ này của năm 2010 đạt khoảng 38,5% nhưng giảm dần suốt trong các năm tiếp theo và cho đến năm 2017, 2018 tỷ lệ đầu tư xã hội trên GDP mới tăng lên chút đỉnh và đạt khoảng 39-39,5% (Bảng 3). Song do hiệu quả đầu tư tương đối thấp nên năng suất lao động thấp. Thực tế chỉ ra rằng, Việt Nam cần nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển. Trong những năm tới nước ta vẫn cần đầu tư nhiều hơn nữa để không chỉ xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật mà còn để phát triển mạnh sản xuất kinh doanh và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

### 3.2.4. Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và doanh nghiệp

Phân tích quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và doanh nghiệp cũng chỉ ra rất nhiều điều lý thú. Trong giai đoạn 2010-2018 ở nước ta tăng thêm 435.395 doanh nghiệp (trung bình mỗi năm tăng thêm 54.424 doanh nghiệp). Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng suốt từ năm 2010 đến 2014 có xu hướng giảm do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (Bảng 4). Theo thống kê ở Việt Nam có khoảng 93% doanh nghiệp thuộc loại nhỏ và vừa và chỉ có khoảng 37-39% doanh nghiệp làm ăn có lãi [5]. Do đó, tuy số doanh nghiệp tăng tương đối mạnh nhưng không tạo ra sự thay đổi về chất của tăng trưởng kinh tế quốc gia.

**Bảng 4. Tăng trưởng kinh tế và doanh nghiệp của Việt Nam**

Năm	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)	Số doanh nghiệp	Số doanh nghiệp tăng thêm hàng năm	Lao động làm việc trong doanh nghiệp (1.000 người)
2010	6,40	279.360	-	9.830,9
2011	6,24	324.691	45.331	10.895,6
2012	5,25	346.777	22.086	11.084,9
2013	5,42	373.213	26.436	11.565,9
2014	5,98	402.326	29.113	12.135,0
2015	6,68	442.485	40.159	12.856,9
2016	6,21	505.059	62.574	14.012,3
2017	6,81	560.417	55.358	14.512,2
2018	7,08	714.755	154.338	15.619,3

Nguồn: Niên giám Thống kê 2015 và 2018.

#### Rút ra một số nhận định:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước tương đối khá, nhưng do trình độ phát triển còn hạn chế, điểm xuất phát về quy mô kinh tế còn thấp, hiệu quả vốn đầu tư chưa cao nên năng suất lao động và GDP/người vẫn ở mức quá thấp và nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đạt được cũng ở mức hạn chế.

- Hiệu quả đầu tư phát triển còn tương đối thấp nên chất lượng tăng trưởng và GDP/

người và nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đạt được cũng ở mức hạn chế.

- Doanh nghiệp đã chưa nhiều về số lượng lại chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoảng 93%) nên góp phần làm cho chất lượng tăng trưởng hạn chế.

- Việt Nam chưa rõ lĩnh vực chủ lực và sản phẩm chủ yếu nên định hướng đầu tư tạo tăng trưởng cao và chất lượng gặp khó khăn.

#### 4. Những vấn đề gợi ý đối với tỉnh Phú Thọ trong phát triển kinh tế

Từ năm 2011 đến 2015 tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Phú Thọ tăng từ 5,39 - 6,10%. So với tốc độ tăng GDP của cả nước, tốc độ tăng GRDP của Phú Thọ có năm tăng cao hơn, có năm tăng thấp hơn nhưng bình quân chung cả giai đoạn tăng thì thấp hơn một chút (5,85% so với 5,91%). Từ năm 2016 đến 2018 tỉnh Phú Thọ có tốc độ tăng GRDP cao hơn tốc độ tăng của các năm ở giai đoạn trước (8,96% năm 2016; 8,39% năm 2017; 8,34% năm 2018) và bình quân năm giai đoạn 2016-2018 đạt 8,56%; cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước ở giai đoạn này (8,56% so với 6,70%). Bình quân chung cả thời kỳ 2011-2018 tốc độ tăng GRDP của Phú Thọ đạt 6,86%; cao hơn tốc độ tăng chung của cả nước.

Xét trong quan hệ tăng trưởng kinh tế với tăng NSLĐ và tăng số lao động cho thấy tăng GRDP do tăng NSLĐ được nhiều hơn (đóng góp 68,13%), còn lại do đóng góp của tăng lao động (30,87%).

Từ việc phân tích phát triển kinh tế của Phú Thọ qua một số chỉ tiêu đã trình bày ở trên cũng như khi đối chiếu so sánh với kết quả chung của cả nước, trên cơ sở yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thì thấy rằng, trong thời gian tới Phú Thọ cần tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng GRDP trên cơ sở đẩy nhanh tăng NSLĐ và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Đồng thời, tỉnh Phú Thọ cần thực hiện một số công việc cơ bản dưới đây:

a. Phải nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế từ tỉnh xuống đến huyện, xã. Năm 2018 Phú Thọ đứng thứ 24/63 tỉnh về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Phân đấu đứng trong nhóm 15-20 tỉnh trong cả nước.

b. Phải xác định được lĩnh vực mũi nhọn, danh mục sản phẩm chủ yếu của tỉnh. Phải phát triển thêm nhiều sản phẩm chủ yếu ngoài sản phẩm truyền thống đã nổi tiếng thuộc cả lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp. Du lịch phải trở thành lĩnh vực kinh tế quan trọng.

c. Năng suất nông nghiệp còn thấp, tỷ trọng phi nông nghiệp mới chiếm khoảng 64% [6]. Để bước vào ngưỡng của trạng thái kinh tế đã phát triển (tỷ lệ phi nông nghiệp khoảng trên 85%) thì đối với Phú Thọ còn dư địa để đầu tư phát triển cả nông nghiệp, công nghiệp và du lịch cũng như phải đầu tư nhiều hơn nữa để hiện đại hóa kinh tế. Đồng thời, cũng từ đó mà tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 10%/năm. Từ năm 2015 trở lại đây tốc độ tăng vốn đầu tư đạt mức khoảng 8,95%/năm. Tức là trong những năm tới cần tăng vốn đầu tư trên 11%/năm.

d. Phải nhanh chóng cụ thể hóa luật pháp, chính sách của Nhà nước Trung ương và ban hành kịp thời các chính sách đặc thù để thu hút đầu tư từ ngoài tỉnh (nhất là thu hút vốn FDI), thúc đẩy doanh nghiệp phát triển và lôi kéo được những tập đoàn kinh tế lớn trong nước về làm ăn tại Phú Thọ. Việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (hỗ trợ khoảng 30% lãi suất vay tín dụng đầu tư), hỗ trợ 55-60% kinh phí để hình thành thương hiệu và xây dựng chỉ dẫn địa lý cũng như truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e. Phải tiến hành đánh giá hiệu quả/chất lượng tăng trưởng kinh tế để tìm ra các giải pháp thích hợp nhằm tăng trưởng nhanh, hiệu quả để rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp nhằm tăng tốc phát triển kinh tế. Nếu muốn có năng suất lao động bằng mức của cả nước thì phải có tốc độ tăng năng suất lao động khoảng 6,5-7%/năm, còn muốn vượt mức trung bình cả nước (gấp khoảng 1,2-1,3 lần) thì phải tăng năng suất lao động trên 8%/năm.



## 5. Kết luận

Đối với cả nước cũng như đối với các tỉnh mà trong đó có tỉnh Phú Thọ, việc phân tích tăng trưởng kinh tế phải có tư duy mới, quan điểm tiếp cận mới và đặt tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ mật thiết với các yếu tố mang tính điều kiện, trong đó cực kỳ quan trọng là truy tìm nguyên nhân tăng trưởng kinh tế chậm, kém hiệu quả. Trước hết cần xác định rõ nguyên nhân từ quản lý nhà nước, quản lý của chính quyền địa phương cũng như từ bất cập đối với quản lý doanh nghiệp. Muốn tăng nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế nhất thiết phải nâng cao năng lực quản lý, điều hành kinh tế của Nhà nước cũng như của chính quyền các địa phương. Đồng thời, phải xác định rõ nguyên nhân từ việc phát triển doanh nghiệp. Cả nước và các tỉnh phải phát triển nhanh, nhiều số lượng doanh nghiệp (trong đó phải có nhiều doanh nghiệp lớn) và nhiều doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao. Đầu tư nâng cao trình độ công nghệ gắn liền với phát triển kinh tế cả theo chiều rộng và chiều sâu cũng như đầu tư mạnh cho đổi mới sáng tạo là phương cách hiện đại hóa để bứt

tốc nền kinh tế một cách bền vững cả ở trước mắt cũng như trong lâu dài.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (2019). Thủ tướng chủ trì Hội nghị cải thiện năng suất lao động quốc gia. Truy cập từ <<http://baochinhphu.vn/Thong-cao-bao-chi/Thu-tuong-chu-tri-Hoi-nghi-cai-thien-nang-suat-lao-dong-quoc-gia/372506.vgp>>.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2013). Quyết định số 339/2013/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 về phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.
- [3] Daron Acemoglu & James A. Robinson (2013). Tại sao các quốc gia thất bại. Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Báo Tuổi trẻ online (2019). Việt Nam tăng 10 bậc xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Truy cập từ <<https://tuoitre.vn/viet-nam-tang-10-bac-xep-hang-nang-luc-can-hanh-toan-cau-20191009114319843.htm>>.
- [5] Tổng cục Thống kê (2015 và 2018). Niên giám Thống kê Việt Nam.
- [6] Cục Thống kê Phú Thọ (2018). Niên giám Thống kê tỉnh Phú Thọ.

## VIETNAM'S ECONOMIC GROWTH AND SOME SUGGESTIONS FOR PHU THO PROVINCE

Tang Van Kien<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Hung Vuong University, Phu Tho

### Abstract

The analysis of economic growth has been conducted so far in order to find main solutions to boost up the economy efficiently. Vietnam's economy has a rapid growth rate compared to other Southeast Asian countries but its labor productivity, GDP/person is still low (group with low average income level). The government has proposed many solutions, so the economy has grown rapidly but always faces many risks from external factors and unsustainable development. What causes such situations? Through an economic growth analysis with a practical approach, the paper desires to find out what needs to be done to accelerate economic development in a more effective and sustainable manner.

**Keywords:** *Economic growth, factors, analysis, relationship, solution.*